



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 52334

VEWL.#: 36290

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CONG THANH  
Last Middle First

Current Address: 333/13/2 Nguyen - van - Troi - PII - Tambinh  
Hochiminh city

Date of Birth: 1931 Place of Birth: Haiphong

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel & ARVN  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-15-75 To 05-31-1984  
Years: 09 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN CONG THANH  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| HUYNH - THI - CHAT                       | 11-21-1937    | wife                |
| NGUYEN - THI - VAN - THU                 | 1-11-1963     | daughter            |
| NGUYEN THI VAN ANH                       | 4-1-1965      | daughter            |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :



NATIONAL OFFICE

EU.052334

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN CÔNG NINH  
Last Middle First

Current Address 333/13/2 NG Van Tru, Q. Tan Binh, HCM, VN

Date of Birth 08-17-1931 Place of Birth Hai Phong, VN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Huong Thi Chet (1937 wife)  
Nguyen Thi Van Thu (1962 dau)  
Nguyen Thi Van Anh (1965 dau)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 06-15-1975 To 05-21-84

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

| <u>NAME</u>              | <u>RELATIONSHIP</u> | <u>NAME</u> | <u>RELATIONSHIP</u> |
|--------------------------|---------------------|-------------|---------------------|
| <u>Nguyen Cong Thuan</u> |                     |             |                     |
|                          |                     |             |                     |
|                          |                     |             |                     |

Form Completed By:

H. G. D. T. N. C. T. V. N.  
F. V. N. P. P. A.

Name

P.O. Box 5435  
Arlington, VA 22205

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

ngày 1 tháng 1 năm 1985 số. thể  
card 1/15

F

Association of VIETNAM political prisoners  
Hy Vong P.O. Box 21305 SAN JOSE CA 95131

RECEIVED  
JAN 15 1985

Kính gửi Ông, Bà.

Tôi tên NGUYỄN CÔNG THANH, sinh ngày ~~4-5-1959~~

BÌNH ĐỊNH, VIETNAM. Tôi viết đơn này gửi đến quý vị xin  
nhờ các tiếp với ODP Office xin cho tôi một lá thư giới  
thiệu (a letter of introduction on behalf of persons in Vietnam)  
để tôi gửi về gia đình tôi ở VIETNAM xin giấy phép xuất  
cảnh (exit permit). Sau đây tôi xin nói về hoàn cảnh  
của Ba tôi để quý vị hiểu và cố gắng giúp gia đình  
tôi sớm đoàn tụ với tôi theo chương trình ra đi có  
trật tự (orderly departure program process)

Ba tôi tên NGUYỄN - CÔNG - NINH, sinh ngày 17-8-1922  
Hải Phòng, VIETNAM. Trước năm 1975, Ba tôi là Huân luyện  
viên trưởng chi Huy tham mưu đến 30/12/1974 và sau đó là  
Liên đoàn trưởng Liên đoàn 941 Đạ phương Quân Vĩnh Long  
Ba tôi đi học tập cải tạo ngày 15-6-1975 và được  
thả về ngày 22-5-1984. Số quân của Ba tôi 51/300304.

Tôi xin gửi kèm theo này:

1 photo giấy na trạc của bà tôi.

1 photo Cháu hai cho người nộp đơn xin đoàn tụ của Bà tôi.

Tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ và sự trả lời  
của quý vị.

Tôi thành thật cảm ơn và chúc quý vị luôn mạnh.

Kính chào.



Nguyễn Công Thành

ORDERLY DEPARTURE OFFICE  
AMERICAN EMBASSY - BOX 58  
APO SAN FRANCISCO 96346.

TB: XIN QUÍ VỊ LIÊN LẠC ĐỊA CHỈ NÀY VỚI  
SỞ IV CỦA TỔ SỞ XIN ĐOÀN TỤ CỦA TÔI LÀ 052334.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 1365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Hầm tăn**

*Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc*

Số **GRI**

*Định biên Tiên Ban  
QL ngày 22-5-84*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SH.13.D

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án vẫn, quyết định tha số **266** ngày **20** tháng **04** năm **1984**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN CÔNG NINH**

Sinh năm 19**31**

Các tên gọi khác **Nguyễn Công ninh**

Nơi sinh **hải phòng**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi Tân Bình T/P HỒ CHÍ MINH**

Can tội **Trung tá liên đoàn trưởng địa phương quân**

Bị bắt ngày **15/06/75** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án vẫn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị tăng án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành: \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại **333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi quân Tân Bình T/P HỒ CHÍ MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : **Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng**

Lao động : **tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng**

Nội quy : **chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn**

Học tập : **tham gia đều nhận thức khá**

(quan chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 19 \_\_\_\_\_

Lưu tay ngôn trở phải của **Nguyễn Công ninh**

Danh bìn \_\_\_\_\_

Lập tại \_\_\_\_\_



Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

*Nguyễn Công Ninh*

Ngày **04** tháng **05** năm **1984**

P. Giám thị



**TRỊ THUY : TRỊNH ĐỨC TỶ**

Ch. p. 11. T. B.

Xác nhận.

Đã đến trình dũ tại chi phũng.  
Phu' dũ Trĩn dũ Qũn vũ TP.

Ngày 22 tháng 5 năm 84.

T. M. CÔNG AN PH. T. H. B.

PH. C. CÔNG AN



Nguyễn Văn Hai

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

ODP IV # \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_

Ngày: October 1<sup>st</sup> 1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang  
Sathorn Tai Road -  
Bangkok Thailand  
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

**A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản**

1. Name  
Họ, tên : Nguyễn Công Ninh Sex: M
2. Other Names  
Họ, tên khác : \_\_\_\_\_
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 08-17-1931 Hải Phòng Việt Nam
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 333/13/2 Nguyễn Văn Trãi Phường 11 Quận Tân Bình Th. Phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử : 333/13/2 Nguyễn Văn Trãi Phường 11 Quận Tân Bình Th. Phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : \_\_\_\_\_

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên              | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. <u>Hùng Thị Chắt</u>      | <u>11-21-1937</u>                    | <u>Khánh Hòa</u>           | <u>F</u>    | <u>M</u>                  | <u>Wife</u>                      |
| 2. <u>Nguyễn Thị Văn Thư</u> | <u>01-11-1963</u>                    | <u>Kan Tum</u>             | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Daughter</u>                  |
| 3. <u>Nguyễn Thị Văn Anh</u> | <u>04-04-1965</u>                    | <u>Kan Tum</u>             | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Daughter</u>                  |
| 4. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 5. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 6. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 7. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 8. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 9. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 10. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 11. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 12. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thứ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên: Nguyễn công Thanh

b. Relationship  
Liên-hệ gia đình: Son

c. Address  
Địa-chỉ: \_\_\_\_\_

d. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ: 07-07-1980

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên: \_\_\_\_\_

b. Relationship  
Liên-hệ gia đình: \_\_\_\_\_

c. Address  
Địa-chỉ: \_\_\_\_\_

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha: Nguyễn công Duyên (Dead)

2. Mother  
Mẹ: Nguyễn Thị An (Dead)

3. Spouse  
Vợ/Chồng: Nguyễn Thị Chát (Living)

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có): \_\_\_\_\_

5. Children  
Con cái:

|     |                             |                           |
|-----|-----------------------------|---------------------------|
| (1) | <u>Nguyễn công Hùng</u>     |                           |
| (2) | <u>Nguyễn công Đức</u>      |                           |
| (3) | <u>Nguyễn công Thanh</u>    | <u>Living in USA</u>      |
| (4) | <u>Nguyễn công Lập</u>      |                           |
| (5) | <u>Nguyễn Thị Văn Khanh</u> |                           |
| (6) | <u>Nguyễn Thị Văn Thu</u>   | <u>Living in Viet-Nam</u> |
| (7) | <u>Nguyễn Thị Văn Anh</u>   |                           |
| (8) |                             |                           |
| (9) |                             |                           |

6. Siblings  
Anh chị em:

|     |                            |                           |
|-----|----------------------------|---------------------------|
| (1) | <u>Nguyễn công Đức</u>     |                           |
| (2) | <u>Nguyễn Thị Đức</u>      | <u>Living in USA</u>      |
| (3) | <u>Nguyễn Thị Bạch Yến</u> |                           |
| (4) | <u>Nguyễn Thị Thuý</u>     | <u>Living in Viet-Nam</u> |
| (5) |                            |                           |
| (6) |                            |                           |
| (7) |                            |                           |
| (8) |                            |                           |
| (9) |                            |                           |

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment From: To:  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment From: To:  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation  
Lý do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_

Length of Employment From: To:  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_

Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation  
Lý do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Công Ninh

2. Dates: From: To:  
Ngày, tháng, năm Từ 10-1-1953 Đến 04-30-1975

3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng : 1st Colonel Serial Number:  
Số thẻ nhân-viên: \_\_\_\_\_

4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Command and Staff School

5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan  
chỉ-huy : General Nguyễn Bảo Tín

6. Reason For Separation  
Ly do nghi viec

04-20-1975

7. Names of American Advisor(s):  
Ho ten co-van My

8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chuong-Trinh huân-luyện, Hoa-Kỹ  
tai Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-băng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đường sử có không? Có Không

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huân-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Ho ten Sinh-viên/người được huân-luyện: Nguyễn Công Ninh

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường: Intelligence School - Okinawa

3. Dates:

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ: September 1961 Đến: December 1964

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

Combat Intelligence

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huân-luyện? U.S. Government

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-băng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Ho ten người đi học-tập cải-tạo:

Nguyễn Công Ninh

2. Time in Reeducation: From:

To:

Thời gian học-tập

Từ:

Tới:

06-15-1975 05-21-1984

3. Still in Reeducation?\*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?\*

Có

Không

No

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I have the worksheet for file Number IV 052334.

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

October 15th 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Release certificate

1. Photos of my relatives to accompany me.

Nguyen Cong Thanh

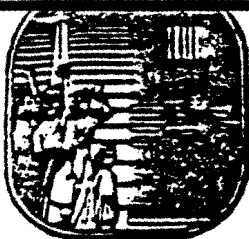


LOVE  
GIVE  
LOVE  
LOVE  
LOVE  
USA 20c

TO : HY Vong

P.O. BOX 21305

SAN JOSE , CA 95151 .



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

## Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN NGỌC DUNG  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
HUỲNH KIM CHI  
DƯƠNG MỸ-LINH SOLAND  
MRS. LÊ VĂN HÙNG

## Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO  
President  
TRẦN KIM DUNG,  
Vice-President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice-President  
TRẦN NGỌC DUNG,  
Secretary General  
NGUYỄN XUÂN LAN,  
Deputy Secretary  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Treasurer  
HUỲNH KIM CHI  
Deputy Treasurer

RECEIVED  
FEB 12 1985

Số 2/11/85  
Thư CIA 2/12/85

Kết vô hồ sơ  
Nguyễn Công Ninh

## Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM  
888888888

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi, chuẩn tuyền xã hội và nhân đạo nhằm mục đích yểm trợ cho việc trả tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Họ và Tên: NGUYEN CONG THANH  
Địa chỉ :

Điện thoại: (số) \_\_\_\_\_ (nhà) \_\_\_\_\_  
Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội:  
NGUYEN CONG NINH  
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: CHA  
(Cha, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: \_\_\_\_\_  
Niên lệ: \_\_\_\_\_ (\$12.00)  
Đóng góp ủng hộ: \$4 (tùy ý) check

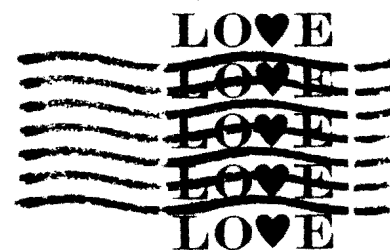
Thờ cúng, ngân phiếu xin gói vé: ngày 2-4-85  
Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam  
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635  
\$4.00  
check

H.G.D.T.N.C.T.V.N  
F.V.N.P.P.A  
PO Box 5435  
Arlington, VA 22205



Nguyễn Công Thành

NGUYEN CONG THANH



USA 20c

TO HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN PHẢI TRỊ VIETNAM  
P.O. Box 5435,  
ARLINGTON VA 22205-0635

NH TRỊ VIỆT NAM  
ISONERS ASSOCIATION

VA 22205-0635  
1850

PAY TO THE ORDER OF \$ \_\_\_\_\_  
DOLLARS

**GW. GREAT WESTERN SAVINGS**

1249 HOWE AVENUE 364  
SACRAMENTO, CA 95823

FOR

AM

DƯƠNG MY-LINH SOLANO  
MRS. LÊ VĂN HÙNG

**Ban Chấp Hành T.U.  
Executive Board**

KHUC MINH THO  
President  
TRẦN KIM DUNG  
Vice-President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice-President  
TRINH NGOC DUNG  
Secretary General  
NGUYỄN XUÂN LAN  
Deputy Secretary  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Treasurer  
HUỲNH KIM CHI  
Deputy Treasurer

Hội Gia Đình Từ Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi.  
chuẩn tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích yểm trợ cho việc trả  
tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội chiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội  
bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị  
nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Họ và Tên: Nguyễn Công Thành  
Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: (50) \_\_\_\_\_  
Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội:  
Nguyễn Công Vĩnh (Chia)  
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:  
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào  
cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: \_\_\_\_\_  
Niên lệ: \_\_\_\_\_ (\$12.00)  
Đóng góp ứng hộ: \$4.00 (tùy ý)

Thủ tục, ngân phiếu xin gửi về:

Hội Gia Đình Từ Nhân Chính Trị Việt Nam  
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

check đi  
ngày 2-4-85  
\$4.00  
0.80  
50  
check.

Ngày 26 tháng 4 năm 1985  
NGUYỄN CÔNG THÀNH  
IV # 052334

Số + Card

5/485

ODP

Nguyễn Minh

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Kính gửi BÀ CHỦ TỊCH: KHUẾ MINH TẠO.

Cháu tên là NGUYỄN CÔNG THÀNH, sinh ngày

04 - 05 - 1959, BÌNH ĐỊNH, VIỆT NAM.

Cháu đã gửi đến Hội một BÀN SƠ THẢO  
tục bảo trợ cho BA cháu: NGUYỄN CÔNG NINH và SƠ  
IV # của ODP: 052334 để Hội xin đưa thư giới thiệu  
(Letter of introduction) cho BA cháu.

NAY cháu gửi đến Hội thêm giấy nhập cảnh  
(Notice of approval of relative immigrant visa petition)  
do chú của cháu là NGUYỄN CÔNG BẮC (đổi tên là  
ROBERT Công NGUYEN) xin cho ANH RƯỢT là BA cháu được  
bỏ tư hồ sơ xin giấy XUẤT CẢNH ở VIỆT NAM.

BA cháu ở VIỆT NAM đã nhận được giấy nhập cảnh  
nơi trên và cho biết BA cháu chỉ cần có thêm giấy giới  
thiệu của ODP office (ORDERLY DEPARTURE PROGRAM) là hoàn  
tất hồ sơ xin giấy XUẤT CẢNH (EXIT PERMIT) vì vậy

may cháu gửi giấy nhập cảnh đến hội để bỏ túi  
thêm hồ sơ cũ cháu ở trong Hội và hy vọng Hội có thể  
đăng giấy nhập cảnh này để xin dùm cháu giấy giới  
thiệu để đăng và nhập cảnh hơn.

Cháu xin nói rõ hơn về chú cháu lần đầu bảo  
lãnh cho BA cháu theo chương trình ODP và tiền Form I-130  
vì cháu đã có Quốc tịch Mỹ, trong khi cháu vẫn  
bảo lãnh cho BA cháu theo chương trình ODP nhưng cháu  
chưa xin được giấy nhập cảnh cho BA cháu vì cháu phải  
đợi đến tháng 7 năm 1985 mới xin vào Quốc tịch Mỹ  
được. Tuy BA cháu được bảo lãnh bởi hai hồ sơ cũ  
cháu và chú cháu, nhưng chú cháu sẽ sát nhập hồ sơ cũ  
chú cháu vào hồ sơ cũ cháu trở thành một hồ sơ duy nhất  
trong này mới.

Cháu rất mong được phối hợp với Hội để xin giấy  
giới thiệu cho BA cháu từ văn phòng ODP, vì vậy nếu cần chỉ

dầu cháu điều gì, xin Hội liên lạc với cháu ở địa chỉ  
sau vì cháu e ngại sự thử từ đến gia đình cháu thì  
gia đình cháu sẽ bị sự theo dõi của chính quyền Cộng sản  
VIET NAM.

Địa chỉ cháu :  
(không đổi)

Telphone .

Cháu và gia đình cháu rất mong được Hội giúp  
đỡ và luôn ghi nhận sự giúp đỡ của Hội.

Cháu kính Chúc Bà Chủ tịch và các vị trong  
Ban Đại diện của "Hội Gia đình Tù nhân Chính trị Việt  
NAM" luôn mạnh khỏe giúp đỡ ngày càng nhiều cho  
Đồng bào VIỆT NAM.

Trân trọng kính chào .

Kính đến  
Nguyễn Công THANH

## UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE  
U.S. IMMIGRATION & NATURALIZATION SERVICE  
630 SANSOME STREET  
SAN FRANCISCO, CALIFORNIA 94111-2280

## NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

Robert Cong NGUYEN

|                     |                              |
|---------------------|------------------------------|
| NAME OF BENEFICIARY |                              |
| NGUYEN, Ninh Cong   |                              |
| CLASSIFICATION      | FILE NO.                     |
| 203(a)5             |                              |
| DATE PETITION FILED | DATE OF APPROVAL OF PETITION |
| 10-12-84            | 11-3-84                      |

DATE: 11-6-84

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT \_\_\_\_\_. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. ☐ IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT Bangkok. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. ☐ YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. ☐ THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.
8. ☐ REMARKS.

VERY TRULY YOURS



DISTRICT DIRECTOR

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN**

ODP IV # 052334

Date: \_\_\_\_\_  
Ngày: October 1<sup>st</sup> 1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang  
Sathorn Tai Road  
Bangkok Thailand  
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

**A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản**

1. Name  
Họ, tên : Nguyễn công Ninh Sex: M  
Phái
2. Other Names  
Họ, tên khác : \_\_\_\_\_
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 08-17-1931 Hải Phòng Việt-Nam
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi Phường 11  
Quận Tân Bình Th. Phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tủ : 333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi Phường 11  
Quận Tân Bình Th. Phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : \_\_\_\_\_

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên              | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. <u>Nguyễn Thị Chát</u>    | <u>11-21-1937</u>                    | <u>Khoảng Hòa</u>          | <u>F</u>    | <u>M</u>                  | <u>Wife</u>                      |
| 2. <u>Nguyễn Thị Văn Thù</u> | <u>01-11-1963</u>                    | <u>Ken Tuin</u>            | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Daughter</u>                  |
| 3. <u>Nguyễn Thị Văn Anh</u> | <u>04-04-1965</u>                    | <u>Ken Tuin</u>            | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Daughter</u>                  |
| 4. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 5. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 6. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 7. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 8. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 9. _____                     | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 10. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 11. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |
| 12. _____                    | _____                                | _____                      | _____       | _____                     | _____                            |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên

Nguyễn Công Thành

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

Son

c. Address  
Địa-chỉ

108B - 1st St - 1st Fl - 1st Bldg

d. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

07 - 07 - 1980

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

c. Address  
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha

Nguyễn Công Xuyên (Dead)

2. Mother  
Mẹ

Hoàng Thị An (Dead)

3. Spouse  
Vợ/Chồng

Huyệnh Thị Chát (Living)

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children  
Con cái:

(1) Nguyễn Công Hùng

(2) Nguyễn Công Xúc

(3) Nguyễn Công Thành / Living in USA

(4) Nguyễn Công Hiệp

(5) Nguyễn Thị Văn Khanh

(6) Nguyễn Thị Văn Thuận / Living in Viet Nam

(7) Nguyễn Thị Văn Anh

(8)

(9)

6. Siblings  
Anh chị em:

(1) Nguyễn Công Bức

(2) Nguyễn Thị Bình / Living in USA

(3) Nguyễn Thị Bạch Yến

(4) Nguyễn Thị Thuý / Living in Viet Nam

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment      From:      To:  
Thời-gian làm-việc      Từ      Đến  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_
2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment      From:      To:  
Thời-gian làm việc      Từ      Đến  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_
3. Employee Name  
Tên Họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment      From:      To:  
Thời gian làm việc      Từ      Đến  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Công Ninh
2. Dates:      From:      To:  
Ngày, tháng, năm      Từ      Đến  
10-1-1953      04-30-1975
3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng: 1<sup>st</sup> Colonel      Serial Number: Số thẻ nhân-viên: 1171
4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/Số/Đơn-Vị Binh-Chung: Command and Staff School
5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: General Nguyễn Văn Tài

6. Reason for Separation: 04-30-1975  
Lý do nghỉ việc:
7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ:
8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam:
9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award: \_\_\_\_\_ Date received: \_\_\_\_\_  
Phân-thưởng hoặc giấy khen: \_\_\_\_\_ Ngày nhận: \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes      No     .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có      Không     .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:  
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: Nguyễn Công Ninh
2. School and School Address: Intelligence School - Okinawa  
Trường và địa-chỉ nhà trường:
3. Dates: From \_\_\_\_\_ To \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ: September 1961 Đến: December 1961
4. Description of Courses: Combat Intelligence  
Mô-tả ngành học:
5. Who paid for training? U.S. Government  
Ai đại-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes      No     .)  
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có      Không     .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:  
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Nguyễn Công Ninh
2. Time in Reeducation: From \_\_\_\_\_ To \_\_\_\_\_  
Thời gian học-tập Từ: 06-15-1975 Đến: 05-21-1984
3. Still in Reeducation? \* Yes      No       
Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Có      Không

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I have the worksheet for file number IV 052334.

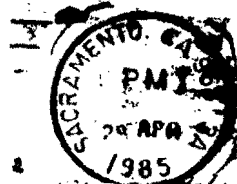
Signature \_\_\_\_\_ Date \_\_\_\_\_  
Ký tên: \_\_\_\_\_ Ngày: October 15th 1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire  
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. release certificate

1. photos of my relatives to accompany me.

NGUYEN THANH CONG



SIM The United States

FAMILIES OF VIETNAMESE political prisoners ASSOCIATION  
TO: HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
P.O. BOX 5435  
ARLINGTON VA 22205-0635

Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

NGUYEN CONG NINH  
333/13/2 NGUYEN VAN TROI  
P 11  
TAN BINH  
T/P HO CHI MINH  
VIET NAM

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office either by telephone or letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears below.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

IV Number: 52334

Encl: Letter of Introduction  
Instructions

CAT2/

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

AUG 15, 1986

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                    |                |            |
|--------------------|----------------|------------|
| NGUYEN CONG MINH   | BORN 17 AUG 31 | (IV 52334) |
| HUYNH THI CHAT     | BORN 21 NOV 37 | "          |
| NGUYEN THI VAN THU | BORN 11 JAN 63 | "          |
| NGUYEN THI VAN ANH | BORN 1 APR 65  | "          |

ADDRESS IN VIETNAM: 333/13/2 NGUYEN VAN TROI  
P 11  
TAN SINH  
T/P HO CHI MINH

VENL#: 3629J

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN JUA DAI DIEN CAC UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM./ THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY./ THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,

  
BRUCE A. MEADOWSLEY  
DIRECTOR  
ORDERS DEPARTMENT OFFICE

ODP-I  
10/51





Ngày 8 tháng 1 năm 1985

11-22-85

JAN 16 1985

Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị Việt Nam

Kính gửi Quý Ông, Quý Bà.

Số 11/16/85  
(thì được  
lưu số này  
với)

Tôi tên NGUYỄN CÔNG THANH, Sinh ngày 4 tháng 5 năm 1959 tại Bình Định, Việt Nam. TUẦN trước tôi đã gửi 1 lá thư có kèm theo giấy ra trại của Bà tôi (sau 9 năm bị bắt giam trại tập trung của Việt Cộng) và một giấy về lý lịch của bà tôi đến ủy Ban Văn Động Trại Tự do và Đình Cư Tự Chính Trị tại Việt Nam Miền Bắc California P.O. Box 21305, SAN JOSE CA 95151. Để nhờ hội này liên lạc với văn phòng ORDER Departure program (chứng trình ra đi đoàn tụ) xin cho tôi được có giấy giới thiệu của Cơ quan này để tôi gửi về cho Bà tôi ở Việt Nam xin giấy phép Xuất Cảnh (exit permit) từ chính quyền VIỆT NAM.

Hôm nay tôi nhận được thư trả lời của ủy Ban Văn Động trên che biết: Ủy Ban này đã chuyển thư của tôi đến Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị Việt Nam và nói tôi liên lạc trực tiếp với địa chỉ của quý vị về hồ sơ của tôi và nhờ quý vị giúp đề đề xin giấy giới thiệu (Letter of introduction) từ cơ quan ORDER Departure program.

Tôi viết thư này nhờ quý vị giúp đỡ. Nếu quý vị cần biết thêm chi tiết về gia đình tôi hoặc cần các giấy tờ bổ túc xin Quý vị cho tôi rõ.

Tôi Thành thật cầu ơn sự loan hồn giúp đỡ với  
Quý vị và rất mong nhận được thư với Quý vị :

Kính chào . . .

Nguyễn Công Thành

BỘ NỘI VỤ  
Trại Hầm tằm

Số CRI

Giấy diện Tiền Ban  
QL ngày 22-5-84

*[Signature]*

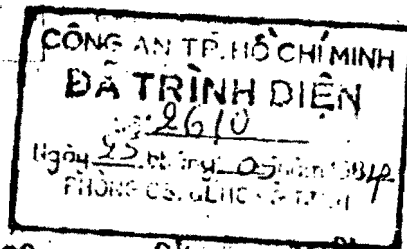
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SIGLED

## GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 266 ngày 20 tháng 04 năm 1984

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên, khai sinh **NGUYỄN CÔNG NINH**

Sinh năm 1931

Các tên gọi khác **Nguyễn Công ninh**

Nơi sinh **hải phòng**

Nơi đang ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt **333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi Tân Bình T/P HỒ CHÍ MINH**

Cán tại **Trung tá liên đoàn trưởng địa phương quân**

Bị bắt ngày **15/06/75** An phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **333/13/2 Nguyễn Văn Trỗi Tân Bình T/P HỒ CHÍ MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng.

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng.

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập : tham gia đều nhận thức khá.

(quản chế 12 tháng)

Huấn luyện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tay nộp trả phạt

Của **Nguyễn Công ninh**

Danh bạ

Lưu tại



Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

*[Signature]*

**Nguyễn Công Ninh**

Ngày 05 tháng 05 năm 1984

P. Giám thị



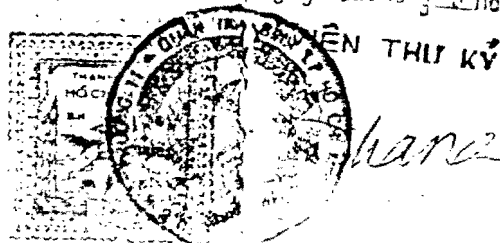
**TRỊNH ĐỨC TÝ**

Số: **8129**

**CHỨNG NHẬN**

Xuất trình bản

UBND Phường **Trần Hưng** năm **84**



ODP IV # 052354

Date: October 1<sup>st</sup> 1984  
Ngày: October 1<sup>st</sup> 1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:  
131 Soi Tien Siang  
Sathorn Tai Road  
Bangkok Thailand  
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name  
Họ, tên : Nguyễn Công Minh Sex: Phái M
2. Other Names  
Họ, tên khác : Nguyễn Văn Tấn
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 08-17-1931 Hải Phòng Việt Nam
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 333/13/2 Nguyễn Văn Tấn, Phường 11 Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử : 333/13/2 Nguyễn Văn Tấn, Phường 11 Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại :

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên           | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia đình |
|---------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. <u>Nguyễn Thị Bích</u> | <u>11-01-1932</u>                    | <u>Hải Nam</u>             | <u>F</u>    | <u>M</u>                  | <u>Wife</u>                      |
| 2. <u>Nguyễn Thị Văn</u>  | <u>01-11-1953</u>                    | <u>Hải Nam</u>             | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Sister</u>                    |
| 3. <u>Nguyễn Thị</u>      | <u>01-01-1965</u>                    | <u>Hải Nam</u>             | <u>F</u>    | <u>S</u>                  | <u>Sister</u>                    |
| 4.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 5.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 6.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 7.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 8.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 9.                        |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 10.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 11.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 12.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên : Nguyễn Công Thái

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình : Son

c. Address  
Địa-chỉ :

D. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ : 07-07-1980

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên :

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình :

c. Address  
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha : Nguyễn Công Duyên (Dead)

2. Mother  
Mẹ : Hoàng Thị An (Dead)

3. Spouse  
Vợ/Chồng : Nguyễn Thị Chát (Living)

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children  
Con cái: (1) Nguyễn Công Hùng  
(2) Nguyễn Công Đức / Living in USA  
(3) Nguyễn Công Trí  
(4) Nguyễn Công Lập  
(5) Nguyễn Thị Văn Khanh  
(6) Nguyễn Thị Văn Thu / Living in Viet-Nam  
(7) Nguyễn Thị Văn Anh  
(8)  
(9)

6. Siblings  
Anh chị em: (1) Nguyễn Công Trí  
(2) Nguyễn Thị Kiệt / Living in USA  
(3) Nguyễn Thị Bạch Yến  
(4) Nguyễn Thị Thủy / Living in Viet-Nam  
(5)  
(6)  
(7)  
(8)  
(9)

C. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phu Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name  
Tên Họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Công Ninh  
  
2. Dates: From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ 12-1-1953 Đến 1-2-1975  
  
3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng : 1st Lt Serial Number: \_\_\_\_\_  
Số thẻ nhân-viên: \_\_\_\_\_  
  
4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Quân đoàn 1  
  
5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : General Nguyễn Văn Tấn

6. Reason for your situation  
Lý do nghỉ việc

7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ  
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng-sự có không? Có Không

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ

Đến

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

2. Time in Reeducation: From:

To:

Thời gian học-tập

Từ

Đến

3. Still in Reeducation?\*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?\*

Có

Không

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

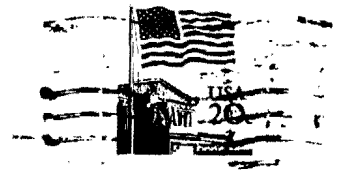
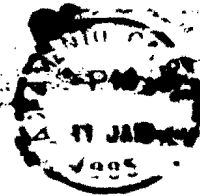
Date

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

MR NGUYEN CONG THANH



To: Hội tư nhân chính tại Việt Nam  
5555 Columbia pike, suite D  
Arlington . VA 22204

HOI 55 231509C1 01/15/85

HOI  
PO BOX 5435  
ARLINGTON VA 22205-0635

TUONG N. HA/DINH N. HA  
P.O. BOX 1453  
BAY CITY, TX 77414

FIRST CLASS

Con tự nhiên  
ở Thái Lan. và TN ở VN  
2 hls.

Mrs. KHUC MINH THO  
CHỦ TỊCH HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRI VIỆT NAM

FIRST CLASS

FIRST CLASS